TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2021
Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Bình Thành

Ông Bùi Đức Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc "xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn Ô R (ÔR), sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Tuyết Tr, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 19 tháng 02 năm 2021 nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Ông Ô R và bà Tr tìm hiểu nhau khoảng 04 năm thì tổ chức lễ ra mắt với gia đình hai bên vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện; Vợ chồng ông có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Long An ngày 09/10/2014. Sau khi cưới, hai vợ chồng sinh sống tại ấp X, xã A, huyện V, tỉnh Long An. Quá trình chung sống ông và bà Tr thường xuyên bất đồng ý kiến, cuộc sống hôn nhân không

có hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018, vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông không đồng ý việc vợ đi làm xa nhà. Từ giữa năm 2019 đến nay ông và bà Tr không còn sống chung, bà Tr đã không còn tình cảm với ông, ông đã tìm mọi cách hàn gắn nhưng không có kết quả nên ông xin được ly hôn. Ông và bà Tr có hai con chung tên Lâm Văn Huy T1, sinh ngày 13/01/2012 và Lâm Gia H1, sinh ngày 13/6/2014, từ khi bà Tr bỏ nhà đi thì hai con do ông chăm sóc và nuôi dưỡng nên ông yên cầu được nuôi hai con và không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn bà Tr trình bày: Bà Tr được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được lời trình bày của bà Tr.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định như vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án.

Nội dung vụ án: Ông Ô R và bà Tr có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình; Quá trình giải quyết vụ án, bà Tr cố tình vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập và tại các phiên tòa, bà Tr cũng không có ý kiến muốn hàn gắng tình cảm vợ chồng; Mặt khác, vợ chồng ông Ô R đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay nên cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ; Con chung cháu Lâm Văn Huy Tư1 và Lâm Gia H1 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng muốn ở với ông Ô R, ông Ô R có yêu cầu được nuôi con chung; Ông Ô R không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Ô R: Ông Ô R được ly hôn với bà Tr, giao con chung cho ông Ô R nuôi dưỡng và chăm sóc; Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả thảo luận đánh giá chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Ông Ô R yêu cầu ly hôn với bà Tr, bà Tr có nơi cư trú tại xã A, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bà Tr được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Tr là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông Ô R và bà Tr được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện V vào ngày 09/10/2014 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp;

Ông Ô R xác định đã nhiều lần liên lạc với bà Tr để hàng gắn tình cảm với bà Tr nhưng không có kết quả nên nay giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; Bà Tr nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc là thể hiện việc bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình cho bà người khác định đoạt; Biên bản xác minh tại địa phương ngày 10/5/2021 cũng thể hiện từ giữa năm 2019 vợ chồng ông Ô R xảy ra mâu thuẫn, cự cải và đánh nhau và không còn sống chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của ông Ô R và bà Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ô R là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Các con của ông R và bà Tr đều trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với ông Ô R; Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 10/5/2021 tại ấp 3, xã Hưng Điền A thì các con chung đang ở cùng ông Ô R, ông Ô R có việc làm, có thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện chăm lo cho các cháu phát triển về mọi mặt, bà Tr không có ý kiến về việc tranh chấp nuôi con. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Ô R, giao con chung cho ông Ô R trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Ông Ô R không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Ông Ô R trình bày không có, còn bà Tr cũng không có yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, tranh chấp nuôi con của ông Ô R là có căn cứ.

[6] Về án phí: Do ông Ô R không thuộc trường hợp được miễn án phí nên ông Ô R phải chịu án phí hôn nhân gia đình không giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lâm Văn Ô R về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với bà Lê Thị Tuyết Tr.

Về hôn nhân: Ông Lâm Văn Ô R được ly hôn với bà Lê Thị Tuyết Tr.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lâm Văn Huy T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 13/01/2012 và Lâm Gia H1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 13/6/2014 cho Ông Lâm Văn Ô R trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Ông Lâm Văn Ô R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích của con chung hoặc cá nhân, tổ chức theo luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Ông Lâm Văn Ô R phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí ông Lâm Văn Ô R đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 24 tháng 3 năm 2021 theo biên lai thu tiền số 0002875 sang tiền án phí.

Báo cho ông Ô R biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu